TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2019/DS-PT
Ngày: 04 - 7 - 2019
V/v "Tranh chấp di sản thừa kế theo di chúc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phỉ

Các Thẩm phán: Ông Khưu Để Dành

Ông Lưu Hữu Giàu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2019/TLPT-DS ngày 03 tháng 4 năm 2019 về "Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất và thừa kế tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 143/2018/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 125/2019/QĐXXPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Lê Nhựt T, sinh năm 1967 (có mặt);

1.2. Bà Lê Thị Cẩm V, sinh năm 1970 (có mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 14, ấp LH, xã KA, huyện CM, tỉnh AG.

2. Bị đơn: Ông Lê Nhựt L, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp LH, xã KA, huyện CM, tỉnh AG.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Trần Thị Kim T, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Ấp KT 1, xã KT, huyện CM, tỉnh AG (theo Giấy ủy quyền ngày 14/11/2018).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND huyện CM, tỉnh AG (vắng mặt);

Địa chỉ trụ sở: Ấp Thị, thị trấn Chợ Mới, huyện CM, tỉnh AG.

3.2. Bà Lê Thị Mỹ N, sinh năm 1959 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Số 89, đường số 13, phường TT, quận TP, thành phố HCM (khu công nghiệp Tân Bình).

3.3. Bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Tổ 14, ấp LH, xã KA, huyện Chợ Mới, tỉnh AG.

3.4. Anh Lê Quốc P, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Tổ 14, ấp LH, xã KA, huyện Chợ Mới, tỉnh AG.

3.5. Anh Lê Phú C, sinh năm 1998 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Tổ 14, ấp LH, xã KA, huyện CM, tỉnh AG.

3.6. Ông Lê Nhựt T1, sinh năm 1949 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Số 403, tổ 14, ấp LH, xã KA, huyện CM, tỉnh AG.

3.7. Ông Lê Nhựt T2, sinh năm 1950 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Số 397, tổ 14, ấp LH, xã KA, huyện CM, tỉnh AG.

3.8. Bà Lê Kim P1, sinh năm 1953 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Số 241B/13, Nguyễn Thanh Sơn, phường BK, thành phố LX, tỉnh AG.

3.9. Anh Lê Nhựt K, sinh năm 1980 (vắng mặt);

3.10. Anh Lê Vĩnh T3, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Số 188, tổ 8, ấp LB, xã LĐ A, huyện CM, tỉnh AG.

3.11. Ông Lê Nhựt H, sinh năm 1957 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Số 398, tổ 14, ấp LH, xã KA, huyện CM, tỉnh AG.

3.12. Ông Lê Nhựt H1, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Số 73, ấp Kinh 9, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh KG.

4. Người kháng cáo: Ông Lê Nhựt L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Nhựt T (sau đây gọi tắt là ông T) trình bày:

Cha là cụ Lê Nhựt Đăng, sinh năm 1920, chết năm 2012 và mẹ là cụ Trần Thị Dươn, sinh năm 1930, chết năm 2009, có 09 người con:

1. Lê Nhựt T1.

2. Lê Nhựt T2.

3. Lê Kim P1.

4. Lê Nhựt Khai, chết năm 1997, có vợ là Quách Thị Vĩnh Thanh (đã có chồng khác) và 02 con: Lê Vĩnh T3, Lê Nhựt K.

5. Lê Nhựt H.

6. Lê Thị Mỹ N.

7. Lê Nhựt L.

8. Lê Nhựt T.

9. Lê Nhựt H1.

Ngày 02/4/2004 cụ Đăng và cụ Dương lập tờ di chúc để lại tài sản cho các người con; giao cho ông quản lý căn nhà chính kết cấu: nền đúc, vách gạch và nhà bếp cùng các vật dụng trong nhà của cụ Đăng và cụ Dương.

Ngày 24/9/2008 cụ Đăng và cụ Dương có lập hợp đồng tặng cho vợ chồng ông diện tích 3.606,1m^2 đất thổ cư và vườn tạp, vợ chồng ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.02976aB ngày 09/3/2009.

Sau khi cụ Đăng và cụ Dương chết, vợ chồng ông quản lý, sử dụng nhà chính; Vợ chồng ông Lê Nhựt L, bà Nguyễn Thị Kim M cùng 02 con là anh Lê Quốc P và anh Lê Phú C (sau đây gọi tắt là ông L, bà M, anh P, anh C) đang quản lý, sử dụng nhà bếp.

Nay ông yêu cầu được hưởng thừa kế căn nhà theo di chúc ngày 02/4/2004 của cụ Đăng và cụ Dương. Yêu cầu ông L, bà M, anh P, anh C có trách nhiệm trả nhà bếp diện tích 59,4m^2 để ông quản lý, sử dụng theo di chúc ngày 02/4/2004 và trả lại diện tích đất 59,4m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông, bà đứng tên.

Ông, bà không đồng ý yêu cầu phản tố của ông L về yêu cầu công nhận di chúc ngày 25/12/2008.

Theo đơn phản tố, tờ tường trình và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông L trình bày:

Thống nhất theo lời trình bày của ông T về thời gian cụ Đăng và cụ Dương chết, về hàng thừa kế của cụ Đăng và cụ Dương.

Ngày 25/12/2008, cụ Đăng và cụ Dương có lập di chúc cho ông được hưởng diện tích đất nền nhà 85,2m^2 và diện tích đất lối đi là 53,3m^2, đất tọa lạc tại ấp Long Hạ, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Diện tích đất này do ông T đang quản lý, sử dụng.

Ông không biết cụ Đăng và cụ Dương có lập di chúc ngày 02/4/2004. Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T và bà V.

Ông phản tố yêu cầu được hưởng tài sản theo di chúc ngày 25/12/2008; Yêu cầu ông T chia đất cho ông theo di chúc ngày 25/12/2008; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02976aB, do UBND huyện CM, tỉnh An Giang cấp ngày 09/03/2009 cho ông T, bà V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà M, anh P, anh C trình bày: Thống nhất ý kiến và yêu cầu của ông L.

- Ông Lê Nhựt T1, ông Lê Nhựt T2 (sau đây gọi tắt là ông T1, ông T2) trình bày: Ông không có yêu cầu đối với di chúc năm 2004 và di chúc năm 2008. Đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định pháp luật. Nếu ông T không giao đất cho ông L theo di chúc năm 2008 thì ông L được ở tại nhà bếp của cha, mẹ.

- Ông Lê Nhựt H1, bà Lê Kim P1 và bà Lê Thị Mỹ N (sau đây gọi tắt là ông H1, bà P1, bà N) trình bày: Cha, mẹ có lập Di chúc ngày 02/4/2004 giao cho ông T quản lý căn nhà của cha, mẹ để thờ cúng; cho ông L được hưởng phần đất ngang 6m dài 30m đất thổ cư ở ấp Long Thượng, xã Kiến An. Năm 2008, cha, mẹ lập di chúc khác cho ông L được hưởng phần đất liền bên phải căn nhà của cha, mẹ. Nay yêu cầu ông T chia đất cho ông L như di chúc năm 2008.

- Công văn số 189/UBND-NC ngày 07/02/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới (sau đây viết tắt là UBND huyện Chợ Mới) trình bày: Nguồn gốc đất diện tích 3.823,8m^2 là của cụ Đăng và cụ Dươn được UBND huyện Chợ Mới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02976aB ngày 21/12/2006. Ngày 24/9/2008, cụ Đăng và cụ Dươn lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất diện tích 3.606,1m^2 cho ông T và bà V. Ngày 09/3/2009, ông T và bà V được UBND huyện Chợ Mới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02976aB diện tích 3.606,1m^2 đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất: ấp Long Hạ, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T và bà V là đúng đối tượng, đúng trình tự thủ tục theo pháp luật quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 143/2018/DS-ST ngày 11 thàng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà V.

- Tuyên bố tờ di chúc ngày 02/4/2004 của cụ Đăng và cụ Dươn hợp pháp và có hiệu lực pháp luật một phần. Tờ di chúc ngày 25/12/2008 của cụ Đăng và cụ Dươn không có hiệu lực pháp luật.

- Ông T được quyền quản lý di sản là căn nhà diện tích 272,2m^2 thể hiện tại các điểm 14, 15, 16, 17, 18, 19 theo sơ đồ khu đất tranh chấp ngày 01/11/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Chợ Mới.

- Buộc ông L, bà M, anh P, anh C di dời tất cả các tài sản trong nhà để trả lại cho ông T, bà V diện tích đất 59,4m^2 và trả lại một phần căn nhà diện tích 59,4m^2 thể hiện tại các điểm 17, 18, 19, 20 theo sơ đồ khu đất tranh chấp ngày 01/11/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Chợ Mới để ông Thuần quản lý.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông L yêu cầu được thừa kế theo di chúc đối với diện tích đất 85,2m^2, diện tích lối đi 53,3m^2 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.02976aB do UBND huyện Chợ Mới cấp ngày 09/3/2009 cho ông T và bà V.

(Sơ đồ khu đất ngày 01/11/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Chợ Mới là một phần không tách rời bản án).

- Quyền lưu cư: Ông L, bà M, anh C, anh P được quyền lưu cư 06 (sáu) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/10/2018, ông L kháng cáo, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Tại phiên tòa:

- Ông L trình bày: Cha, mẹ cho tôi phần đất tại ấp Long Thượng nhưng đất này gần sông dễ bị sụp lở nên tôi không nhận. Tờ di chúc năm 2008 ông T có biết và ông T là người đang giữ bản chính nên việc ông T không thừa nhận là không đúng. Tôi không giữ bản chính tờ di chúc năm 2008 nên tôi không cung cấp bản chính tờ di chúc năm 2008 cho Tòa được. Nay tôi giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết cho ông được quyền sử dụng và quyền sở hữu diện tích 59,4m^2 đất gắn với nhà bếp của cha, mẹ. Tôi không yêu cầu Tòa án công nhận tờ Di chúc ngày 15/12/2008, không yêu cầu được chia phần đất theo tờ Di chúc ngày 15/12/2008.

- Ông T trình bày: Cha, mẹ lập di chúc năm 2004 giao cho tôi quản lý, gìn giữ căn nhà (nhà chính và nhà bếp) của cha, mẹ dùng vào việc thờ cúng. Ngày 24/9/2008, cha mẹ tặng cho vợ chồng tôi diện tích 3.606,1m^2 và đã được cấp quyền sử dụng đất. Di chúc năm 2004, cha, mẹ cho ông L được hưởng phần đất tại ấp Long Thượng nhưng ông L không nhận, hiện nay đất này vẫn còn, không bị sụp lở. Tôi không biết tờ di chúc năm 2008, không giữ bản chính tờ di chúc năm 2008 và không thừa nhận tờ di chúc năm 2008. Nay tôi giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông L, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Bà V trình bày: Thống nhất như ý kiến và yêu cầu của ông T.

- Bà M trình bày: Thống nhất như ý kiến và yêu cầu của ông L.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông T1, ông T2 và bà P1 trình bày: Cha, mẹ có lập di chúc năm 2004 để căn nhà của cha, mẹ cho ông T quản lý, cho ông L phần đất tại ấp Long Thượng nhưng do đất tại ấp Long Thượng gần sông, dễ bị sụp lở nên năm 2008, cha, mẹ lập thêm di chúc cho ông L phần đất thổ cư phía bên phải căn nhà của cha, mẹ và ông T có hứa bằng miệng sẽ tách chia cho ông L phần đất như di chúc năm 2008, nhưng ông T không thực hiện lời hứa chia đất cho ông L, ông T có biết tờ di chúc năm 2008 và ông T đang giữ bản chính tờ di chúc năm 2008.

+ Ông T2 và bà P1 yêu cầu ông L giao trả cho ông T nhà bếp gắn với diện tích 59,4m^2 đất như di chúc của cha, mẹ. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết cho ông L được hưởng phần đất theo tờ di chúc năm 2008.

+ Ông T1 yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết cho ông L được quyền sử dụng và quyền sở hữu diện tích 59,4m^2 đất gắn với nhà bếp của cha, mẹ.

Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M, bà P1, ông T1, ông T2 thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức đơn kháng cáo: Ông L nộp đơn kháng cáo trong thời hạn kháng cáo và có nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Tòa án đã thực hiện thủ tục triệu tập đương sự tham gia phiên tòa phúc thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng có đương sự vắng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: bà N, ông H1, ông H, anh P, anh C, anh K, anh T3 và người đại diện của UBND huyện Chợ Mới.

[3]. Về nội dung kháng cáo:

[3.1]. Ông T và ông L thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đăng và cụ Dương. Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận Di chúc ngày 02/4/2004 đối với phần di sản là căn nhà dùng vào việc thờ cúng, ông T và bà V yêu cầu ông L trả lại diện tích đất 59,4m^2 thuộc quyền sử dụng của ông T, bà V; ông L phản tố yêu cầu Tòa án công nhận Di chúc ngày 25/12/2008 đối với phần di sản cho ông L; những người còn lại thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đăng và cụ Dương không có đơn yêu cầu độc lập. Do đó, cấp sơ thẩm giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông T, bà V và yêu cầu phản tố của ông L là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2]. Di chúc ngày 02/4/2004:

Nội dung di chúc có định đoạt phần đất thổ cư, vườn, ruộng và căn nhà kể cả nhà bếp của cụ Đăng và cụ Dương tọa lạc ấp Long Hạ, xã Kiến An, huyện Chợ

Mới, với diện tích mặt tiền 18,2m rộng 15,1m và tủ, bàn, ghế cùng vật dụng trong nhà dùng vào việc thờ cúng và chỉ định ông T có quyền hưởng hoa lợi, có nghĩa vụ quản lý, gìn giữ và thờ cúng ông, bà, cha, mẹ. Di chúc được lập thành văn bản, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Kiến An; khi lập di chúc, cụ Đăng và cụ Dươn có giấy chứng nhận sức khỏe về tinh thần minh mẫn, sáng suốt; nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 648, khoản 4 Điều 650, điểm a và b khoản 1 Điều 652, Điều 653 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Theo Tờ tường trình đề ngày 15/6/2016, ông L, bà M, ông T1, ông T2, ông H1, bà P1, bà N, anh P, anh C cùng trình bày: *"Di chúc ngày 02/4/2004, cha mẹ đã phân chia đất các anh em tôi; cha, mẹ giao lô đất còn lại (thổ cư, vườn, ruộng) và 01 ngôi nhà nền đúc, vách gạch kể cả nhà bếp, mặt tiền 18,2m, rộng 15,1m và bàn, tủ, ghế, vật dụng trong nhà cho em út Lê Nhựt T gìn giữ, hưởng hoa lợi thờ cúng ông, bà, cha, mẹ khi mãn phần, không được sang bán cầm cố bằng mọi hình thức. Riêng Lê Nhựt L nhận 01 nền nhà ngang 6m dài 30m đất thổ cư ở ấp Long Thượng, xã Kiến An".* Như vậy, lời khai của ông L, bà M, ông T1, ông T2, ông H1, bà P1, bà N, anh P, anh C phù hợp với nội dung tờ di chúc ngày 02/4/2004 do ông T giao nộp cho Tòa án và thừa nhận cụ Đăng và cụ Dươn có lập Di chúc ngày 02/4/2004. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T1, ông T2 và bà P1 thừa nhận cụ Đăng và cụ Dươn có lập Di chúc ngày 02/4/2004. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 95 tờ Di chúc ngày 02/4/2004 là chứng cứ có thật.

Tuy nhiên, vào thời điểm lập di chúc ngày 02/4/2004, cụ Đăng và cụ Dươn chưa được cấp quyền sử dụng đất. Ngày 21/12/2006, cụ Đăng và cụ Dươn được UBND huyện Chợ Mới cấp quyền sử dụng diện tích 3.823,8m^2 đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất: ấp Long Hạ, xã Kiến An, huyện Chợ Mới theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0297/aB.

Ngày 24/9/2008, cụ Đăng và cụ Dươn lập hợp đồng tặng cho ông T, bà V diện tích 3.606,1m^2 đất (trong diện tích 3.823,8m^2 đất), ông T, bà V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 09/3/2009 và sử dụng đất ổn định đến nay. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Đăng, cụ Dươn với ông T, bà V xác lập ngày 24/9/2008 đã phát sinh hiệu lực. Do đó, cấp sơ thẩm không xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02976aB ngày 09/3/2009 do UBND huyện Chợ Mới cấp cho ông T, bà V là có cơ sở.

Năm 2012 cụ Đăng chết là thời điểm mở thừa kế, diện tích 3.606,1m^2 đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm không còn tài sản của cụ Đăng và cụ Dươn, tài sản của cụ Đăng và cụ Dươn chỉ còn căn nhà nhưng cụ Đăng và cụ Dươn đã định đoạt dùng vào việc thờ cúng và chỉ định ông T là người quản lý, gìn giữ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 667 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Di chúc ngày 02/4/2004 của cụ Đăng và cụ Dươn đối với căn nhà kể cả nhà bếp mà cụ Đăng và cụ Dươn định đoạt dùng vào việc thờ cúng là có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm cụ Đăng chết năm 2012.

Các đương sự thống nhất căn nhà (gồm nhà chính và nhà bếp) diện tích 272,2m^2 theo Sơ đồ khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới lập ngày 01/11/2016, ông T quản lý phần nhà chính diện tích 212,8m^2, vợ chồng ông L cùng các con quản lý phần nhà bếp diện tích 59,4m^2.

Ông L, bà M, anh P và anh C không phải là người được cụ Đăng và cụ Dươn chỉ định quản lý, sử dụng di sản dùng vào việc thờ cúng nhưng ông L, bà M, anh P và anh C quản lý, sử dụng phần nhà bếp thuộc di sản dùng vào việc thờ cúng là không đúng với di chúc của cụ Đăng và cụ Dươn lập ngày 02/4/2004. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, công nhận Di chúc ngày 02/4/2004 của cụ Đăng và cụ Dươn có hiệu lực một phần đối với căn nhà dùng vào việc thờ cúng và buộc ông L, bà M, anh P, anh C có trách nhiệm giao trả nhà bếp cho ông T quản lý thờ cúng theo Di chúc ngày 02/4/2004 là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 667, khoản 1 Điều 670 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3.3]. Về diện tích 59,4m^2 đất (phần đất gắn với nhà bếp):

Ông T, bà V được UBND huyện Chợ Mới cấp quyền sử dụng diện tích 3.606,1m^2 đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02976aB ngày 09/3/2009 do nhận chuyển quyền sử dụng đất từ hợp đồng tặng cho hợp pháp. Do đó, việc ông L, bà M, anh C và anh P quản lý, sử dụng diện tích 59,4m^2 đất (trong diện tích 3.606,1m^2) thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông T, bà V là không đúng pháp luật, nên cấp sơ thẩm buộc ông L, bà M, anh P và anh C có trách nhiệm trả cho ông T, bà V diện tích 59,4m^2 đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02976aB ngày 09/3/2009 do UBND huyện Chợ Mới cấp cho ông T, bà V là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Dân sự 2015.

[3.4]. Di chúc ngày 25/12/2008:

Lời khai của bà P1 tại phiên tòa phúc thẩm: *"Di chúc ngày 25/12/2008 không do cụ Đăng và cụ Dươn tự viết, cụ Đăng và cụ Dươn nhờ bà P1 viết"*; Lời khai của ông L, bà P1, ông T1, ông T2 tại phiên tòa phúc thẩm: *"Ông T là người đang lưu giữ bản chính tờ Di chúc ngày 25/12/2008"*; Ông T không thừa nhận tờ Di chúc ngày 25/12/2008 và không thừa nhận có lưu giữ tờ Di chúc ngày 25/12/2008.

Ông L phản tố yêu cầu công nhận Di chúc ngày 25/12/2008 nhưng ông L không cung cấp bản chính tờ Di chúc ngày 25/12/2008; Tờ Di chúc ngày 25/12/2008 nhờ người khác viết thay nhưng không có người làm chứng, không có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền, Trưởng ấp xác nhận không cùng thời điểm lập di chúc. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông L là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 656 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L không yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét tờ Di chúc ngày 25/12/2008.

Ông L kháng cáo yêu cầu được quyền sử dụng, quyền sở hữu phần nhà bếp gắn với diện tích 59,4m^2 đất nhưng ông L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc cụ Đăng và cụ Dươn có tặng cho ông L hợp pháp phần nhà bếp gắn với diện tích 59,4m^2 đất. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Nhựt L.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 143/2018/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Nhựt T, bà Lê Thị Cẩm V.

- Tuyên bố tờ Di chúc ngày 02/4/2004 của cụ Lê Nhựt Đăng và cụ Trần Thị Dươn hợp pháp và có hiệu lực pháp luật một phần. Tờ Di chúc ngày 25/12/2008 của cụ Lê Nhựt Đăng và cụ Trần Thị Dươn không có hiệu lực pháp luật.

- Ông Lê Nhựt T được quyền quản lý di sản dùng vào việc thờ cúng là căn nhà diện tích 272,2m^2 tại ấp Long Hạ, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, thể hiện tại các điểm 14, 15, 16, 17, 18, 19 theo Sơ đồ khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Chợ Mới lập ngày 01/11/2016.

- Buộc ông Lê Nhựt L, bà Nguyễn Thị Kim M, anh Lê Quốc P, anh Lê Phú C có trách nhiệm di dời các tài sản trong nhà, có trách nhiệm trả cho ông Lê Nhựt T, bà Lê Thị Cẩm V diện tích 59,4m^2 đất ở nông thôn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02976aB ngày 09/3/2009 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông Lê Nhựt T và bà Lê Thị Cẩm V và có trách nhiệm giao căn nhà diện tích 59,4m^2 cho ông Lê Nhựt T quản lý dùng vào việc thờ cúng. Nhà và đất thể hiện tại các điểm 17, 18, 19, 20 theo Sơ đồ khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Chợ Mới lập ngày 01/11/2016.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Nhựt L yêu cầu được thừa kế theo di chúc đối với diện tích đất 85,2m^2, diện tích lối đi 53,3m^2 và yêu cầu

hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.02976aB do UBND huyện Chợ Mới cấp ngày 09/3/2009 cho ông Lê Nhựt T và bà Lê Thị Cẩm V.

(Sơ đồ khu đất ngày 01/11/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Chợ Mới là một phần không tách rời bản án).

- Quyền lưu cư: Ông Lê Nhựt L, bà Nguyễn Thị Kim M, anh Lê Quốc P, anh Lê Phú C được quyền lưu cư 06 (sáu) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về chi phí tố tụng: Ông Lê Nhựt L có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Lê Nhựt Thuần 3.031.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Lê Nhựt L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000đ, được khấu trừ vào 692.500đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004961 ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới. Ông Lê Nhựt L được nhận lại tạm ứng án phí 492.500đ theo Biên lai thu số 0004961 ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

+ Ông Lê Nhựt Thuần được nhận lại 1.250.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004215 ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Nhựt L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, được trừ vào tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu số 0000254 ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- Chi cục THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Ngọc Phỉ